

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Khôi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Đông

2. Ông Nguyễn Văn Thông

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thanh – Thư ký  
Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 286/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10-3-2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Hòa Th, xã Ea K, tỉnh Đắk L; Căn cước công dân số 066195012369; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình C, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Thuận Yên T, xã Đức P, thành phố Đà N; Căn cước công dân số 049093017994; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Võ Đình C tự nguyện tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam năm 2020 (nay là xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng). Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến

nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông C không tôn trọng gia đình bên vợ. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết đề nghị cho bà được ly hôn với ông Võ Đình C.

Về con chung: Bà và ông Võ Đình C có 01 con chung là cháu Võ Đình Thiên Phát, sinh ngày 22/6/2023. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Đình Thiên Phát đến tuổi thành niên. Tại phiên toà bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà, bị đơn ông Võ Đình C trình bày:* Ông không muốn ly hôn. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con. Ông thừa nhận vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau hơn 3 năm nay. Bà H thì sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk, còn ông thì sinh sống ở xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng. Nếu bà H cương quyết xin ly hôn thì ông đồng ý giao con chung là cháu Phát cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì ông đồng ý, nhưng sau này việc cấp dưỡng của ông là tự nguyện. Ông xin được thăm nom con, không ai được ngăn cản ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đảm bảo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H với ông Võ Đình C. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Đình C. Giao con chung là cháu Võ Đình Thiên Phát cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung đối với ông Võ Đình C. Hiện nay ông C cư trú tại xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Bà H trình bày, trong quá trình chung sống, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Theo nội dung Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú ngày 02/02/2026, về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn (nay là Đức Phú) năm 2020. Chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà H và ông C. Tại phiên tòa, bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống hôn nhân, giữa bà H và ông C xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mỗi người sống một nơi, sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay nhưng vẫn không có tiếng nói chung trong việc quay về đoàn tụ chung sống. Nay bà H vẫn cương quyết xin ly hôn. Ông C thừa nhận giữa ông và bà H đã không sống chung, ly thân nhau đến nay hơn 3 năm. Ông C cũng không có phương án, kế hoạch thuyết phục bà H đoàn tụ cùng xây dựng gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông C là có cơ sở.

- Về con chung: Trong quá trình hôn nhân giữa bà H và ông C có 01 con chung là Võ Đình Thiên Phát, sinh ngày 22/6/2023. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phát đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh thực tế của bà H, ông C và nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Võ Đình Thiên Phát, sinh ngày 22/6/2023 hiện đang ở cùng bà Nguyễn Thị H, được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Phát chưa tròn 3 tuổi, bà H có nguyện vọng nhận nuôi cháu Phát đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Võ Đình Thiên Phát cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn ông Võ Đình C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Đình C.

- Về con chung: Giao cháu Võ Đình Thiên Phát, sinh ngày 22/6/2023 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006088 ngày 26 tháng 11 năm 2025.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/3/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5-Đà Nẵng;
- UBND xã Đức Phú;
- Phòng THADS KV 5-Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Văn Khôi**

